

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 128/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Anh Vũ Danh K, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- *Người yêu cầu:* Chị Vũ Thị B, sinh năm 1988.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú tại Hàn Quốc. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị B về quan hệ con chung, tài sản chung, được chị B ủy quyền giao và nhận các văn bản của Tòa án: Ông Vũ Văn L, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Xã V, huyện, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn xin ly hôn của anh Vũ Danh K và chị Vũ Thị B, các tài liệu trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Danh K và chị Vũ Thị B được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/01/2011. Vợ chồng chung sống được 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không thống nhất về làm ăn kinh tế, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm bị rạn nứt, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Đến

tháng 8 năm 2019, chị B đi lao động tại Hàn Quốc, vợ chồng mỗi người ở một nơi, ít liên lạc nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh K và chị B đều xác định tình cảm không còn nên thống nhất làm đơn ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

Về con chung: Anh K và chị B trình bày vợ chồng có hai con chung là Vũ Ngọc D, sinh ngày 20/10/2012 và Vũ Hoài A, sinh ngày 21/12/2014 hiện đang ở với anh K. Vợ chồng thống nhất để anh K nuôi hai con chung, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh K và chị B không đề nghị giải quyết.

Về lệ phí: Anh K tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự, lệ phí giám định.

Chị Vũ Thị B không về Việt Nam giải quyết việc ly hôn nên chị đề nghị giải quyết vắng mặt, ủy quyền cho ông Vũ Văn L về quan hệ con chung, tài sản chung, giao và nhận các văn bản của Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai, ông Vũ Văn L là bố để chị B trình bày: Ông đồng ý nhận sự ủy quyền của chị B để giao nhận các văn bản và tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại Kết luận giám định số 13/KLGD ngày 26/6/2020, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ ký dạng chữ viết đứng tên Vũ Thị B trên các tài liệu cần giám định: Đơn xin ly hôn, đơn xin giải quyết vắng mặt, bản tự khai với chữ ký, chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh: Giấy chứng nhận kết hôn, 02 sổ ghi chép, 01 quyển giáo án đều đề tên Vũ Thị B là do cùng một người ký ra.

Tại Công văn số 8405/QLXNC-P5 ngày 09/6/2020, Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an cung cấp: Chị Vũ Thị B đã xuất cảnh ngày 06/8/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và đương sự đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Danh K và chị Vũ Thị B.

+ Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh K và chị B: Giao hai con chung là Vũ Ngọc D, sinh ngày 20/10/2012 và Vũ Hoài A, sinh ngày 21/12/2014 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về lệ phí: Anh K tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự và 4.000.000 đồng lệ phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Do chị Vũ Thị B đang làm việc tại Hàn Quốc nên việc dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[1.2] Anh Vũ Danh K, chị Vũ Thị B, ông Vũ Văn L có đề nghị xin vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt anh K, chị B, ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Danh K và chị Vũ Thị B được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/01/2011 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, mâu thuẫn về kinh tế. Nay cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất nộp đơn đến Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh K và chị B có hai con chung là Vũ Ngọc D, sinh ngày 20/10/2012 và Vũ Hoài A, sinh ngày 21/12/2014. Do hiện nay hai con chung đều đang ở với anh K, cháu D trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với bố nên việc anh K và chị B thỏa thuận để anh K nuôi hai con chung, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định pháp luật, bảo đảm quyền lợi cho con chung nên cần chấp nhận.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Anh K và chị B không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí: Anh K tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, lệ phí giám định nên cần chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Danh K và chị Vũ Thị B.

2. Về quan hệ con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của anh Vũ Danh K và chị Vũ Thị B: Giao hai con chung là Vũ Ngọc D, sinh ngày 20/10/2012 và Vũ Hoài A, sinh ngày 21/12/2014 cho anh Vũ Danh K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Vũ Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về lệ phí: Anh Vũ Danh K tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự (Hôn nhân và gia đình) sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh K đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002679 ngày 22/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh K đã nộp đủ lệ phí.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh K chịu lệ phí giám định là 4.000.000 đồng (đã nộp).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh